**CHỦ ĐỀ 1: VẼ KĨ THUẬT**

**BÀI 1: TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KĨ THUẬT**

# A. TRẮC NGHIỆM

## 1. NHẬN BIẾT (10 câu)

**Câu 1:** Có mấy khổ giấy chính?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 2:** Tên các khổ giấy chính là

A. A0, A1, A2

B. A0, A1, A2, A

C. A3, A1, A2, A4

D. A0, A1, A2, A3, A4

**Câu 3:** Các thành phần kích thước gồm

A. Đường gióng

B. Đường kích thước

C. Chữ số kích thước

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 4:** Các loại tỉ lệ là

A. Tỉ lệ thu nhỏ

B. Tỉ lệ phóng to

C. Tỉ lệ nguyên hình

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:** Kích thước trên bản vẽ kĩ thuật có đơn vị

A. mm

B. dm

C. cm

D. Tùy từng bản vẽ

**Câu 6:** Chiều rộng của nét liền đậm thường lấy là

A. 0,75 mm

B. 0,25 mm

C. 1 mm

D. 0,5 mm

**Câu 7:** Kích thước (mm) của khổ giấy A0 là bao nhiêu?

A. 1189×841

B. 841×594

C. 420×297

D. 297×210

**Câu 8:** Kích thước (mm) của khổ giấy A3 là bao nhiêu?

A. 1189×841

B. 841×594

C. 420×297

D. 297×210

**Câu 9:** Kích thước (mm) của khổ giấy A4 là bao nhiêu?

A. 1189×841

B. 841×594

C. 420×297

D. 297×210

**Câu 10:** Tỉ lệ là gì?

A. Là tỉ số giữa kích thước dự tính với kích thước thực tế

B. Là tỉ số giữa kích thước bản thiết kế với kích thước thực tế

C. Là tỉ số giữa kích thước đo được trên hình biểu diễn với kích thước đo trên vật thể

D. Đáp án khác

## 2. THÔNG HIỂU (10 câu)

**Câu 1:** Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là?

A. A0

B. A1

C. A4

D. Các khổ giấy có kích thước như nhau

**Câu 2:** Phía trước chữ số kích thước đường tròn, cung tròn phải có kí hiệu gì?

A. ∞

B. €

C. Ø

D. ¢

**Câu 3:** So sánh độ lớn của khổ giấy A0 với A4?

A. Lớn hơn

B. Nhỏ hơn

C. Bằng nhau

D. Không xác định được

**Câu 4:** So sánh độ lớn của khổ giấy A4 với A3?

A. Lớn hơn

B. Nhỏ hơn

C. Bằng nhau

D. Không xác định được

**Câu 5:** Ghép tên nét với ứng dụng tương ứng của nó

|  |  |
| --- | --- |
| Tên nét | Ứng dụng |
| 1. Nét liền đậm | a. Đường tâm, đường trục đối xứng |
| 2. Nét liền mảnh | b. Đường kính thước và đường going |
| 3. Nét đứt mảnh | c. Cạnh thấy, đường bao thấy |
| 4. Nét gạch dài – chấm – mảnh | d. Cạnh khuất, đường bao khuất |

A. 1 – a; 2- b; 3 – c; 4 – d

B. 1 – c; 2 – b; 3 – d; 4 – a

C. 1 – b; 2 – a; 3 – d; 4 – c

D. 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b

**Câu 6:** Tỉ lệ nào sau đây là tỉ lệ phóng to dùng trong bản vẽ kĩ thuật?

A. 4 : 4

B. 3 : 1

C. 1 : 3

D. 1 : 1

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây sai?

A. Nét liền mảnh biểu diễn đường gióng

B. Nét liền đậm biểu diễn đường bao thấy

C. Nét gạch chấm mảnh biểu diễn đường tâm

D. Nét lượn sóng biểu diễn đường gióng

**Câu 8:** Tỉ lệ 1:2 là tỉ lệ gì?

A. Phóng to

B. Thu nhỏ

C. Nguyên hình

D. Nâng cao

**Câu 9:** Cách ghi kích thước nào sau đây là đúng?

A.https://cdn.doctailieu.com/images/2020/08/21/anh-cong-nghe-a-rs650.png

B. https://cdn.doctailieu.com/images/2020/08/21/anh-cong-nghe-b-rs650.png

C. https://cdn.doctailieu.com/images/2020/08/21/anh-cong-nghe-c-rs650.png

D. https://cdn.doctailieu.com/images/2020/08/21/anh-cong-nghe-d-rs650.png

**Câu 10:** Đường kích thước, đường gióng vẽ bằng loại nét gì?

A. Nét liền đậm

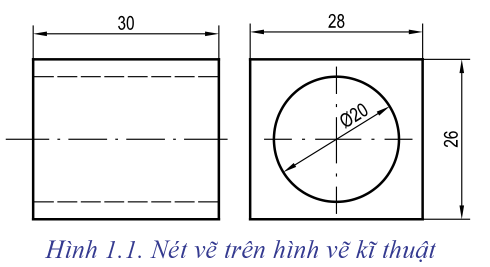
B. Nét liền mảnh

C. Nét đứt mảnh

D. Nét gạch dài – chấm – mảnh

## 3. VẬN DỤNG (10 câu)

**Câu 1:** Quan sát hình 1.1 cho biết hình vẽ có những loại nét vẽ nào?



A. Nét liền đậm, nét liền mảnh

B. Nét đứt mảnh, nét gạch dài – chấm – mảnh

C. Nét liền đậm, nét gạch dài – chấm – mảnh

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 2:** Vì sao phải sử dụng tỉ lệ khi lập bản vẽ kĩ thuật?

A. Vì kích thước vật thể thực tế nếu quá lớn

B. Vì không phải vật thể nào cũng thể hiện được đúng y chang chính xác vào bản vẽ

C. Vì để dễ dàng thấy được chi tiết đầy đủ và chính xác nhất của vật thể khi vật thể thực thế quá nhỏ hoặc quá lớn, khó quan sát

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 3:** So sánh kích thước bản vẽ và kích thước vật thể nếu bản vẽ sử dụng tỉ lệ 2:1?

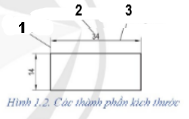
A. Bản vẽ có kích thước bằng nửa kích thước vật thể

B. Bản vẽ có kích thước gấp đôi kích thước vật thể

C. Bản vẽ có kích thước bằng kích thước vật thể

D. Không xác định được

**Câu 4:** Xác định thành phần kích thước tại ví trí 1



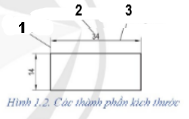
A. Đường gióng

B. Đường kích thước

C. Chữ số kích thước

D. Không xác định được

**Câu 5:** Xác định thành phần kích thước tại ví trí 2



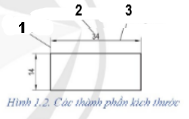
A. Đường gióng

B. Đường kích thước

C. Chữ số kích thước

D. Không xác định được

**Câu 6:** Xác định thành phần kích thước tại ví trí 3



A. Đường gióng

B. Đường kích thước

C. Chữ số kích thước

D. Không xác định được

**Câu 7:** X: 1 là kí hiệu của loại tỉ lệ nào?

A. Thu nhỏ

B. Phóng to

C. Nguyên hình

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 8:** Từ khổ giấy A1 ta chia được mấy khổ giấy A4?

A. 8

B. 4

C. 6

D. 2

**Câu 9:** Từ khổ giấy A0 ta chia được mấy khổ giấy A4?

A. 8

B. 16

C. 12

D. 2

**Câu 10:** Từ khổ giấy A3 ta chia được mấy khổ giấy A4?

A. 8

B. 4

C. 6

D. 2

# B. ĐÁP ÁN

## 1. NHẬN BIẾT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. D** | **3. D** | **4. D** | **5. A** |
| **6. D** | **7. A** | **8. C** | **9. D** | **10. C** |

## 2. THÔNG HIỂU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. C** | **3. A** | **4. B** | **5. B** |
| **6. B** | **7. D** | **8. B** | **9. D** | **10. B** |

## 3. VẬN DỤNG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. D** | **3. B** | **4. A** | **5. C** |
| **6. C** | **7. B** | **8. A** | **9. B** | **10. D** |